TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/DS-ST
Ngày: 30 – 3 – 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến

2. Bà Dương Thị Bạn

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2026/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2026/QĐXX-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST–DS ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1; địa chỉ: Tầng A và tầng B Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng Thị Bích N hoặc ông Bùi Hoàng S hoặc ông Võ Minh Q hoặc ông Nguyễn Phong S1; cùng địa chỉ: Tầng A và tầng B Tòa nhà S, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Đăng K, sinh năm: 1992; thường trú tại: 4 Đ, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Số H khu dân cư F, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Bùi Hoàng S trình bày:

Ngân hàng TMCP Q1 (gọi tắt là ngân hàng V) đã ký với ông Phan Đăng K đơn yêu cầu cấp tín dụng kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cá nhân được phê duyệt ngày 04/9/2019 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản được phê duyệt ngày 03/9/2019. Theo đó, Ngân hàng V đồng ý cấp tín dụng và phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho ông Phan Đăng K.

Đối với hợp đồng tín dụng, mục đích vay vốn là mua phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình; số tài khoản khoản vay CL0001683765; hợp đồng số 9135224.19; số tiền vay 151.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,5%/năm được cố định trong thời hạn 05 năm, ngày 17/02/2021 ngưng thanh toán chuyển qua nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền phải thanh toán hàng tháng bao gồm cả gốc và lãi là 3.793.454 đồng. Ngày 05/9/2019 ngân hàng đã giải ngân số tiền 151.000.000 đồng cho ông Phan Đăng K theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9315224(1).19. Đối với khoản vay này ông K chưa thanh toán khoản vay gốc nào cho ngân hàng. Đến ngày 30/3/2026 tổng nợ 393.885.802, trong đó nợ gốc 148.244.384 đồng, lãi quá hạn 245.641.418 đồng.

Đối với thẻ tín dụng, loại thẻ V1, số thẻ 5138****4180, số tài khoản thẻ C000000000240263, hạn mức 45.000.000 đồng; lãi suất và phí thực hiện theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, trong quá trình sử dụng thẻ thì đã quá hạn từ ngày 05/12/2019. Đến ngày ngày 30/3/2026 tổng nợ 97.829.780 đồng, trong đó nợ gốc 42.837.357 đồng, nợ lãi 15.654.273 đồng, phí 39.338.150 đồng.

Từ sau ngày 30/3/2026 thì ông K tiếp tục thanh toán lãi suất theo hợp đồng số tín dụng số 9135224.19 ngày 04/9/2019; đối với thẻ tín dụng hiện nay đã ngưng tính lãi suất.

Tại phiên tòa Ngân hàng V buộc ông Phan Đăng K phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2026 đối với hợp đồng tín dụng tổng số tiền 393.885.802 đồng, trong đó nợ gốc 148.244.384 đồng, lãi quá hạn 245.641.418 đồng. Và số tiền thẻ tín dụng đến ngày 30/3/2026 tổng số tiền là 97.829.780 đồng, trong đó nợ gốc 42.837.357 đồng, nợ lãi 15.654.273 đồng, phí 39.338.150 đồng. Và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng 9135224.19 ngày 04/9/2019 đã ký kết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Tóm tắt sao kê (bản pho to); giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (bản pho to); sổ đăng ký tạm trú (bản pho to); căn cước công dân (bản pho to); quyết định (bản pho to); giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (bản pho to); giấy ủy quyền (bản chính).

Bị đơn – ông Phan Đăng K đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông K không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phan Đăng K tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Phan Đăng K theo đúng quy định tại tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của các đương sự trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP Q1 và ông Phan Đăng K đã giao kết Đơn yêu cầu cấp tín dụng kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cá nhân được phê duyệt ngày 04/9/2019 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và

sử dụng tài khoản được phê duyệt ngày 03/9/2019. Nội dung các thỏa thuận thể hiện rõ quyền, nghĩa vụ của các bên, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, có chứng cứ thể hiện Ngân hàng đã giải ngân số tiền 151.000.000 đồng cho ông K và cấp hạn mức thẻ tín dụng theo thỏa thuận, ngân hàng cung cấp chứng cứ là sao kê quá trình sử dụng thẻ tín dụng của ông K. Tuy nhiên, ông Phan Đăng K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, để các khoản nợ phát sinh quá hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ.

Về lãi suất, các bên có thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng tín dụng và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất cấp tín dụng. Do đó, mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng theo hợp đồng đã ký kết với ông K là có cơ sở pháp lý để chấp nhận.

Tính đến ngày 30/3/2026, ông Phan Đăng K còn nợ Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng số tiền 393.885.802 đồng, trong đó nợ gốc 148.244.384 đồng, lãi quá hạn 245.641.418 đồng; đối với thẻ tín dụng còn nợ tổng số tiền 97.829.780 đồng, trong đó nợ gốc 42.837.357 đồng, nợ lãi 15.654.273 đồng, phí 39.338.150 đồng. Các khoản nợ này được xác định phù hợp với nội dung hợp đồng và chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, bị đơn không chứng minh được đã thanh toán nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 31/3/2026 theo hợp đồng tín dụng số 9135224.19, xét thấy đây là nghĩa vụ đã được các bên thỏa thuận và phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1, buộc ông Phan Đăng K phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q1 đối với bị đơn - ông Phan Đăng K về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Phan Đăng K trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 393.885.802 đồng, trong đó nợ gốc 148.244.384 đồng, lãi quá hạn 245.641.418 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 9135224.19 ngày 04/9/2019.

Buộc ông Phan Đăng K trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền là 97.829.780 đồng, trong đó nợ gốc 42.837.357 đồng, nợ lãi 15.654.273 đồng, phí 39.338.150 đồng đối với thẻ đối với thẻ tín dụng, loại thẻ VIB CASHBACK, số tài khoản thẻ C000000000240263.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/3/2026 ông Phan Đăng K còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 9135224.19 ngày 04/9/2019.

Trường hợp hợp đồng tín dụng có thỏa thuận lãi suất cho vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cũng được điều chỉnh phù hợp với mức lãi suất do ngân hàng công bố tại từng thời điểm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Ông Phan Đăng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.668.623 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 7.488.845 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0036522 ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Ngọc